

Số: 563 /QĐ-UBND

Phú Thiện, ngày 26 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phân bổ kinh phí sự nghiệp kinh tế, dự kiến phân bổ nguồn tăng thu,
kết dư năm 2019 và giao chỉ tiêu thu năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện về việc phê chuẩn dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - KH tại Tờ trình số 397/TTr - TCKH ngày 24/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp kinh tế, dự kiến phân bổ nguồn tăng thu, kết dư năm 2019 và giao chỉ tiêu thu năm 2020 như sau:

- Phân bổ vốn sự nghiệp kinh tế số tiền: **35.722.420.000 đồng** (Ba mươi lăm tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

- Dự kiến phân bổ nguồn tăng thu, kết dư năm 2019 số tiền: **5.967.800.000 đồng** (Năm tỷ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

- Phân bổ kinh phí trồng cây phân tán năm 2020 số tiền **250.000.000 đồng** (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)

- Giao chỉ tiêu thu năm 2020 cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Ban Quản lý chợ và Đội công trình đô thị huyện với số tiền **1.026.000.000 đồng** (Một tỷ, không trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn).

(Chi tiết theo phụ lục 04 đính kèm)

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị:

- Phòng Tài chính - KH lập thủ tục phân bổ ngân sách đúng nguồn và theo dõi quyết toán kinh phí đúng quy định Nhà nước.

- Các đơn vị có tên tại Điều 1 lập thủ tục nhận kinh phí, sử dụng đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Căn cứ dự toán thu, chi năm 2020 Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng phương án tổ chức hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ để sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

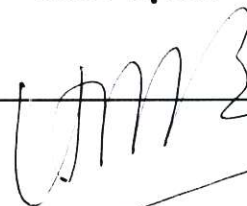
Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đ/c Cường - PCVP;
- Lưu: VT. *Qu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Rơ Chăm La Ni



PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2020	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ	35.792.420	35.722.420		
1	Sự nghiệp nông nghiệp	10.910.750	10.910.750		
1	KP hỗ trợ khuyến nông viên		143.040		
2	KP hỗ trợ công tác tiêm phòng vắc xin gia súc và vận chuyển thuốc khu trung tiêu độc		100.000		
3	KP thực hiện Mô hình trồng măng tây theo hướng VietGap trên địa bàn huyện Phú Thiện		200.000	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	
4	KP thực hiện Mô hình nuôi thâm canh cá nước ngọt thương phẩm		200.000		
5	KP tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, phươgng thức mới trong sản xuất nông nghiệp và phòng chống sâu bệnh hại trên cây trồng, vật nuôi năm 2020		90.000		
6	KP thực hiện Mô hình trồng cây ăn trái thôn Plei Tró - xã Chư A Thai		100.000		
7	Quỹ hỗ trợ nông dân năm 2020		200.000	Hội nông dân huyện	
8	KP Hỗ trợ đoàn kiểm tra liên ngành về việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm		20.000		
9	KP hỗ trợ phiên chợ nông sản		50.000		
10	KP Ban chi đạo 04 làng đồn		100.000	Phòng NN&PTNT	
11	KP thi điểm mô hình trồng lúa cạn thôn Kìng Pênh		200.000		

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2020	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
12	KP thực hiện Đề án mô hình trồng cây ăn quả		200.000		
13	KP trồng cây phân tán 60ha		250.000	Giao các xã, thị trấn - chỉ tiết theo phụ lục đính kèm	
14	Hỗ trợ giải quyết tồn đọng cấp giấy CNQSDĐ trên địa bàn huyện		40.000		
15	KP đoàn kiểm tra liên ngành về khoáng sản và chấp hành pháp luật đất đai trên địa bàn huyện		30.000	Phòng Tài nguyên - Môi trường	
16	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2020		195.000		
17	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020		669.710		
18	KP thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, thị trấn và các nhiệm vụ khác	8.123.000	8.123.000		Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu
18.1	Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, thị trấn		4.000.000	Ban Quản lý các Dự án DTXDDB huyện	
-	Đường giao thông nội đồng cánh đồng thôn Tân Phú, xã Ia Hiao; Hàng mục, quy mô đầu tư: Đường BTXM đá 2x4 mức 250, dày 18cm; Bn=4,5m, Bm=3,5m; L=507m và hệ thống thoát nước		860.000		
-	Đường giao thông nội đồng thôn Chơh Ponan, xã Chơh Ponan; Hàng mục, quy mô đầu tư: Đường BTXM đá 2x4 mức 250, dày 18cm; Bn=4,5m, Bm=3,5m; L=356m. Kênh tưới bxxh = (30x50), dày 8cm; L=341m và hệ thống thoát nước		830.000		

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2020	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
-	Đường giao thông nội đồng thôn Sô Ma Hang A, xã Ia Peng; Hàng mục, quy mô đầu tư: Đường BTXM đá 2x4 mức 250, dày 18cm; Bn=4,5m, Bm=3,5m; L=524m và hệ thống thoát nước		865.000		
-	Đường giao thông nội đồng khu đi bên nước, xã Ia Piar; Hàng mục, quy mô đầu tư: Đường BTXM đá 2x4 mức 250, dày 18cm; Bn=4,5m, Bm=3,5m; L=351m và hệ thống thoát nước		580.000		
-	Đường giao thông nội đồng khu vực xả đầy thôn Thắng Lợi 1, xã Ia Sol; Hàng mục, quy mô đầu tư: Đường BTXM đá 2x4 mức 250, dày 18cm; Bn=4,5m, Bm=3,5m; L=435m; Kè đá học (L=62m) và hệ thống thoát nước		865.000		
18.2	KP thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng		4.123.000	Giao Phòng NN&PTNT huyện chủ trì phối hợp với Trung tâm DVNN huyện và các xã, thị trấn rà soát tham mưu phân UBND huyện bố kinh phí	
19	Kinh phí chưa phân bổ	0			
II	Sự nghiệp thủy lợi	1.792.125	1.792.125		
I	Kiên cố hóa kênh mương		1.742.125		
-	- Kênh N7-8, thị trấn Phú Thiện: tổng chiều dài 450m, BTCT đá 1x2 mức 200, KT(6xh)=(50x70)cm, dày 8cm		600.000		
-	Kênh N1-2, trạm bơm Ia Dniu, tổng chiều dài 300m, BTCT đá 1x2 M200, KT(60x80)m, dày 10cm		600.000	Phòng NN&PTNT	

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2020	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
-	Kênh NV3, xã Ia Hiao, tổng chiều dài 490m, BTCT đá 1x2 M200, KT(40x60)cm, dày 10cm		542.125		
2	Kinh phí BCD phòng, chống bão lụt		50.000		
4	Kinh phí chưa phân bổ	0			
III	Sự nghiệp giao thông	1.792.125	1.792.125		
1	Đường trục thôn Plei Lok, xã Ia Ake. Hàng mục: Bê tông xi măng, hệ thống thoát nước, L=370m		772.125	Đội CTBT	
2	Đường thôn Plei Tei B, xã Ia Sol. Hàng mục: Bê tông xi măng, hệ thống thoát nước, L=280m		510.000	Đội CTBT	
3	Đường vào khu thả thao xã Chroh pơ nan. Hàng mục: Bê tông xi măng, hệ thống thoát nước, L=211m		510.000	Đội CTBT	
	KP hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai đường giao thông liên xã Ia Peng		4.800.000	Ban Quản lý các Dự án DTXDCB huyện	Nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu
4	Kinh phí chưa phân bổ	0			
IV	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	14.753.000	14.753.000		
1	Lương và các khoản có tính chất lương		400.000	Đội CTBT	
2	Tiền điện công lộ		650.000	Đội CTBT	
3	Tiền nhiên liệu xe cầu		250.000	Đội CTBT	
4	KP tu bổ sửa chữa điện công lộ		156.000	Đội CTBT	
5	Tiền sửa chữa xe cầu		40.000	Đội CTBT	
6	KP mua cò (Treo cột cò huyện)		10.000	Đội CTBT	
7	KP mua quả cầu đèn chùm và bóng tại các khu vực công cộng		42.000	Đội CTBT	

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2020	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
8	KP lắp đặt đèn chiếu sáng cột cỏ huyện		45.000	Đội CTBT	
9	KP đồ thi loại V		5.000.000	Đội CTBT	
9.1	Hoàn thiện mặt đường và hệ thống thoát nước đường D37A thị trấn Phú Thiện; Hàng mục: Mặt đường bê tông xi măng và hệ thống thoát nước (L=441,71m)		2.300.000		
9.2	Đường bê tông xi măng TDP 3, thị trấn Phú Thiện; Hàng mục: nền, mặt đường và hệ thống thoát nước (L=900m)		1.800.000		
9.3	Đường liên tổ thị trấn Phú Thiện; Hàng mục: Nâng cấp nền, mặt đường và hệ thống thoát nước (L=3.795m)		900.000		
10	KP hỗ trợ kiến thiết thị chính		8.160.000	Đội CTBT	Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu - Giao Đội CTBT huyện rà soát tổng hợp tham mưu UBND huyện phân bổ chi tiết
11	Kinh phí chưa phân bổ	0			
V	Sự nghiệp Khoa học công nghệ	350.000	350.000		
1	KP thực hiện mô hình KHCN		335.000	Trung tâm dịch vụ NN	
2	KP quản lý Hội đồng KHCN		15.000	Phòng KTHH	
VI	Sự nghiệp môi trường	6.194.420	6.124.420		
1	Tiền lương công nhân rác		800.000		
2	Tiền nhiên liệu 02 xe rác		690.000		
3	Sửa chữa 01 xe ép rác		80.000		

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2020	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
4	Mua thùng rác, xe đẩy rác		300.000	Đội CTĐT	
5	Chăm sóc cây xanh toàn huyện		434.420		
6	KP xử lý bãi rác huyện Phú Thiện		100.000		
7	Xử lý ngập nước khu trung tâm TDTT huyện		700.000		
8	Khoan giếng tại khu vực nhà khách huyện		250.000	Phòng TN&MT	
10	KP hỗ trợ môi trường (mua xe ép rác và trồng cây xanh)		2.750.000		Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu
9	Kinh phí đoàn kiểm tra liên ngành môi trường		20.000		
11	Kinh phí chưa phân bổ	70.000			

11

TỔNG HỢP DỰ KIẾN PHÂN BỐ NGUỒN TĂNG THU, KẾT DƯ NĂM 2019 CHO CÁC NHIỆM VỤ CHI THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện)

DVT: 1.000 đồng

STT	Hạng mục	Nguồn vốn	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	5.967.800	5.967.800		
	Nguồn dự kiến tăng thu, kết dư ngân sách huyện	5.967.800	5.967.800		
1	Cải tạo, nâng cấp, khoan giếng cấp nước sinh hoạt thôn Kìng Pêng - xã Chư A Thai		400.000	Phòng NN&PTNT	
2	Hỗ trợ di dời nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu thôn Kìng Pêng - xã Chư A Thai		640.000	Phòng TN&MT	
3	Đổ đất, san nền thôn Kìng Pêng - xã Chư A Thai		300.000	Ban QL các DA DTXDCB huyện	
4	Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh thôn Kìng Pêng - xã Chư A Thai		10.000	Phòng Y tế	
5	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất văn hóa thôn Kìng Pêng - xã Chư A Thai		50.000		
6	Quy hoạch bố trí dân cư thôn Kìng Pênh, xã Chư A Thai		200.000		
7	Xây dựng Cổng chào thôn Kìng Pênh xã Chư A Thai		50.000	Phòng KTHH	
8	Công khai quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thiện huyện Phú Thiện đến năm 2030		100.000		
9	Công khai quy hoạch cụm CN-TTCN huyện Phú Thiện		50.000		
10	KP rà soát dữ liệu, lắp đặt biển tên đường thị trấn Phú Thiện		500.000		
11	Hỗ trợ làm vườn trồng cây ăn trái thôn Kìng Pêng - xã Chư A Thai		152.800	UBND xã Chư A Thai	
12	Hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi thôn Kìng Pêng - xã Chư A Thai		60.000		

1/1

STT	Hạng mục	Nguồn vốn	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
13	Cống thoát nước qua đường thôn Ia Zut, xã Ia Sol		650.000	UBND xã Ia Sol	
14	Hệ thống thoát nước đường thôn Thằng Lợi 3, xã Ia Sol		1.000.000	UBND xã Ia Sol	
15	KP mua sắm trang thiết bị Hội trường thôn		100.000	UBND xã Ia Sol	10 thôn
16	Đường thôn Plei Chung, xã Ia Piar, HM: Nền, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước		775.000	Đội CTĐT	
17	KP sửa chữa Đài tưởng niệm		230.000	Đội CTĐT	
18	KP sửa chữa Hội trường chung phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện		700.000	Văn phòng HDND-UBND huyện	

(m)

CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ TRỒNG CÂY PHÂN TÂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện)

ĐVT: 1.000đ

STT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
1	Thị trấn Phú Thiện	16.000	
2	Xã Ia Sol	26.000	
3	Xã Ia Piar	26.000	
4	Xã Ia Hiao	26.000	
5	Xã Chư Athai	26.000	
6	Xã Ayun Hă	26.000	
7	Xã Ia AKe	26.000	
8	Xã Ia Peng	26.000	
9	Xã Ia Yeng	26.000	
10	Xã Chưôh Poman	250.000	
	Tổng cộng		

TỔNG HỢP GIAO CHI TIÊU THU NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện)

ĐVT: 1.000đ

STT	Chi tiêu thu	Tổng số tiền	Đơn vị để lại chi	Nộp vào ngân sách	Ghi chú
	Tổng số	1.026.000	949.700	76.300	
1	Ban Quản lý chợ	624.000	550.000	74.000	
-	Thu phí bãi trông giữ xe	240.000	216.000	24.000	
-	Thu phí chợ	250.000	250.000	0	
-	Thu khác	84.000	84.000	0	
-	Thu tiền cho thuê mặt bằng	50.000		50.000	
2	Đội công trình đô thị	395.000	395.000	0	
-	Phí vệ sinh từ hộ dân không kinh doanh	180.000	180.000		
-	Hộ buôn bán nhỏ	15.000	15.000		
-	Hộ buôn bán vừa	20.000	20.000		
-	Hộ buôn bán lớn	25.000	25.000		
-	Cửa hàng kinh doanh ăn uống	15.000	15.000		
-	Nhà hàng, khách sạn	20.000	20.000		
-	Trường học, nhà trẻ, văn phòng làm việc và cửa hàng kinh doanh của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp dùng chung văn phòng (trụ sở liên cơ)	30.000	30.000		
-	Nhà máy, Bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, bến xe, chung cư	70.000	70.000		
-	Thu phí, lệ phí, thu khác từ xe cầu	20.000	20.000		
3	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	7.000	4.700	2.300	
-	Lệ phí thẩm định đầu tư	5.000	4.500	500	
-	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	2.000	200	1.800	

Ghi chú: Tỷ lệ thu được đề lại cho các đơn vị thực hiện theo các Quyết định của UBND tỉnh hiện hành.